



Forest  
Declaration  
Assessment

# ĐÁNH GIÁ TUYÊN BỐ VỀ RỪNG NĂM 2025

Báo cáo tóm tắt cho  
các nhà hoạch định chính sách

Tháng 10/2025

Báo cáo này được dịch từ **Forest Declaration Assessment 2025 – Summary for Policymakers** nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo. Các nội dung trong báo cáo không thể hiện quan điểm của Forest Trends và các nhà tài trợ. Để đọc toàn văn báo cáo, quý độc giả vui lòng truy cập đường link:

<https://forestdeclaration.org/resources/forest-declaration-assessment-2025/>

# 1. GIỚI THIỆU

“Rừng toàn cầu vẫn đang trong khủng hoảng” – đó không phải là tiêu đề mà chúng ta mong muốn phải viết vào năm 2025. Đây lẽ ra phải là thời điểm bước ngoặt của một thập kỷ đầy tham vọng về các cam kết liên quan đến rừng. Tuy nhiên, bất chấp vai trò không thể thay thế của rừng, thực tế cho thấy chúng ta đang đi chệch hướng.

Tốc độ mất rừng hầu như không thay đổi kể từ đầu thập kỷ; các cam kết về chuỗi cung ứng bền vững vẫn chỉ là ngoại lệ; nguồn tài chính dành cho bảo vệ và phục hồi rừng chỉ chiếm một phần rất nhỏ so với nguồn tài chính đang gây rủi ro cho rừng; và những rào cản trong quản trị – từ việc nhiều nhóm xã hội chưa được tiếp cận công lý và tham gia vào quá trình ra quyết định, đến tình trạng tham nhũng, hay việc chưa được công nhận đầy đủ quyền sử dụng đất của cộng đồng – vẫn tồn tại dai dẳng.

Năm 2025 đánh dấu một điểm giao nguy hiểm: chúng ta đã đi qua nửa chặng đường của thập kỷ quyết định, song ở nhiều quốc gia, tham vọng về khí hậu và môi trường lại đang suy giảm. Các mô hình sản xuất khai thác, tiêu dùng vượt mức, quản trị yếu kém và bất bình đẳng quyền lực tiếp tục là những nguyên nhân sâu xa thúc đẩy phá rừng và suy thoái rừng.

Cuộc khủng hoảng này không thể bị xem nhẹ hay lãng quên giữa muôn vàn vấn đề toàn cầu khác. Rừng là cấu phần hạ tầng không thể thay thế của một hành tinh ổn định: chúng cung cấp sinh kế cho hơn một tỷ người, là nơi cư trú của khoảng 80% các loài thực vật và động vật trên cạn, đồng thời đóng vai trò thiết yếu trong việc ổn định khí hậu toàn cầu, giúp hạn chế nhiệt độ trái đất tăng không quá 1,5°C. Việc không đạt được các mục tiêu về rừng sẽ kéo theo hệ lụy đối với hàng loạt cam kết toàn cầu khác – từ Hiệp định Paris, Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh – Montreal, cho tới Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Các nhà lãnh đạo thế giới đã nhận thức và nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của khủng hoảng này. Trong Đánh giá Toàn cầu (Global Stocktake) đầu tiên của Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC, 2023), các Bên đã thống nhất rằng việc chấm dứt và đảo ngược tình trạng mất rừng và suy thoái rừng vào năm 2030 là điều kiện tiên quyết để đạt được mục tiêu nhiệt độ của Hiệp định Paris (Quyết định 1/CMA.5, đoạn

33–34). Những cam kết này giờ đây cần được chuyển hóa thành hành động cụ thể trong các Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDCs) và triển khai khẩn trương.

Qua bốn chủ đề của Báo cáo Đánh giá Rừng, khoảng cách giữa thực tế và lộ trình hướng tới tiến bộ đã hiện rõ. Tuy nhiên, cũng có những tín hiệu đáng khích lệ: nhiều sáng kiến đầy hứa hẹn trên toàn cầu cho thấy việc đảo ngược xu thế tiêu cực hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, những thành công riêng lẻ sẽ không đủ. Phát triển bền vững đòi hỏi những chuyển biến mang tính hệ thống, bao gồm:

- Thiết lập khung quy định bắt buộc và công bằng, thay vì chỉ dựa vào các cam kết tự nguyện;
- Doanh nghiệp và nhà đầu tư cần vượt qua tư duy “giải pháp không tổn kém” (cost-neutral fixes)<sup>1</sup>, hướng tới các giải pháp mang tính cấu trúc;
- Chính sách và tài chính cần được lồng ghép và liên kết giữa các ngành, thay vì hoạt động rời rạc;
- Và quy trình ra quyết định phải mang tính toàn diện và có sự tham gia thực chất của các nhóm liên quan.

Báo cáo Đánh giá Tuyên bố về Rừng năm 2025 phác họa một bức tranh toàn cảnh về hiện trạng rừng toàn cầu, chỉ ra những chuyển biến tích cực đang manh nha xuất hiện, đồng thời nhấn mạnh những lĩnh vực cần được thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Chúng ta có thể kỳ vọng rằng năm tới, tiêu đề sẽ là: “Rừng toàn cầu đang trên đà phục hồi.” Để đạt được điều đó, thế giới không thể chỉ dựa vào những cải thiện nhỏ lẻ, mà cần đến những hành động táo bạo, phối hợp đồng bộ và kiên định từ mọi thành phần trong xã hội.

<sup>1</sup> Trong bối cảnh chính sách – môi trường, cost-neutral fixes được hiểu là các giải pháp bù trừ hoặc điều chỉnh nhỏ không làm thay đổi đáng kể cấu trúc chi phí hoặc mô hình kinh doanh

## 2. CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

### 2.1. Tiến trình hướng tới các mục tiêu tổng thể về rừng

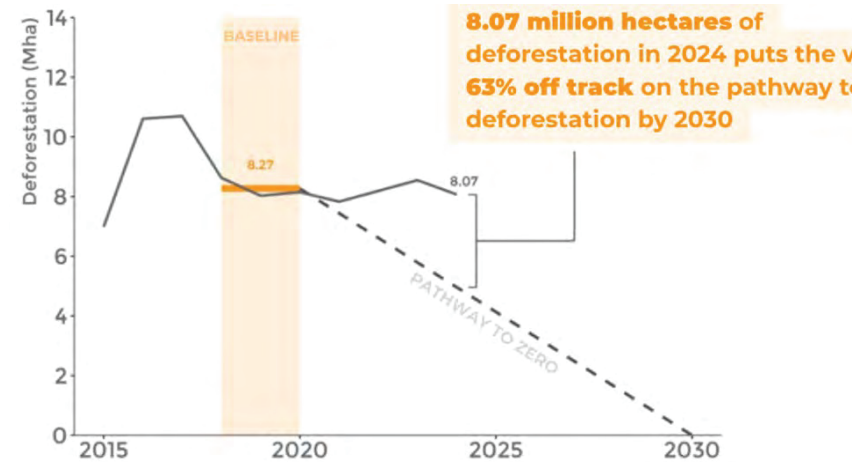
**Trong năm 2024, tình trạng phá rừng quy mô lớn vẫn tiếp diễn, với khoảng 8,1 triệu hecta rừng bị mất vĩnh viễn trên toàn thế giới.**

Rừng nhiệt đới nguyên sinh vẫn bị tàn phá với tốc độ đáng báo động, 6,73 triệu hecta bị mất chỉ trong một năm, gây phát thải khoảng 3,1 tỷ tấn khí nhà kính. Diện tích rừng bị mất trong các khu vực đa dạng sinh học trọng yếu (Key Biodiversity Areas) lên tới 2,2 triệu hecta, tăng 47% so với năm trước, đe dọa nghiêm trọng những hệ sinh thái không thể thay thế.

Phần lớn nạn phá rừng là do chuyển đổi rừng sang đất nông nghiệp vĩnh viễn, chiếm trung bình 86% tổng diện tích rừng bị mất trong thập kỷ qua. Các yếu tố khác như khai khoáng cũng ngày càng gây áp lực lớn hơn. Do các loại hàng hóa gắn với phá rừng được tiêu thụ cả trong nước và xuất khẩu, phá rừng trở thành vấn đề mang tính hệ thống, khi chính sách và thực tiễn sử dụng đất ở cấp quốc gia gắn chặt với nhu cầu toàn cầu. Điều này cho thấy sự cần thiết của những thay đổi mang tính cấu trúc trong quản lý, giám sát và điều tiết sản xuất – thương mại hàng hóa có rủi ro phá rừng.

Suy thoái rừng, dù ít được thảo luận hơn so với phá rừng, đang diễn ra với tốc độ tăng nhanh không kém. Năm 2024, khoảng 8,8 triệu hecta rừng nhiệt đới bị suy thoái, cao gấp đôi mức tối đa cho phép nếu thế giới muốn chấm dứt suy thoái rừng vào năm 2030. Lưu vực sông Amazon là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do cháy rừng, minh chứng cho việc biến đổi khí hậu do con người và quản lý rừng kém hiệu quả đang biến các hiện tượng tự nhiên thành tác nhân đồng thời gây sụp đổ hệ sinh thái. Tuy nhiên, suy thoái rừng vẫn là “điểm mù” (blind spot) trong các mục tiêu và hệ thống giám sát quốc gia. Do đó, cần một sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận: tích hợp các chỉ số về suy thoái rừng vào khung giám sát để đảm bảo rằng chất lượng rừng – chứ không chỉ diện tích che phủ – được duy trì trên mọi vĩ độ và trong mọi kiểu rừng.

Hình 1: Mất rừng toàn cầu giai đoạn 2015–2024 (triệu ha)



Giữa bối cảnh mất diện tích rừng và suy giảm chất lượng rừng trong năm 2024, các nỗ lực phục hồi rừng đã cho thấy tiềm năng lớn chưa được khai thác đồng thời xuất hiện nhiều kết quả tích cực ban đầu. Giai đoạn 2015–2021, diện tích rừng mưa nhiệt đới tái sinh tự nhiên đã mở rộng thêm hơn 11 triệu hecta, với tốc độ tái sinh tăng gấp 7 lần ở khu vực Mỹ Latinh và hơn 4 lần ở châu Á. Mặc dù thường không được tính vào các chỉ tiêu phục hồi rừng chính thức, song diện tích rừng tái sinh tự nhiên này đã đóng góp đáng kể vào việc hấp thụ carbon và phục hồi hệ sinh thái – miễn là chúng được bảo vệ khỏi nguy cơ bị chuyển đổi hoặc chặt phá lần nữa.

Hiện nay, các sáng kiến phục hồi chủ động đang được triển khai trên khoảng 10,6 triệu hecta đất rừng đã bị mất hoặc suy thoái. Con số này chỉ chiếm khoảng 5,4% tổng tiềm năng tái trồng rừng toàn cầu và 0,3% tiềm năng phục hồi rừng dựa trên điều kiện sinh học – tự nhiên của toàn

cầu, còn cách rất xa mục tiêu 30% được đặt ra trong Mục tiêu 2 của Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh – Montreal (Kunming–Montreal Global Biodiversity Framework). Tuy nhiên, đây có thể là ước tính thấp hơn đáng kể so với quy mô thực tế của các hoạt động phục hồi hiện nay. Khoảng hai phần ba tổng diện tích phục hồi (tương đương 7 triệu hecta) tập trung tại các vùng nhiệt đới, 3,3 triệu hecta tại vùng ôn đới, và khoảng 250 nghìn hecta tại vùng rừng phương Bắc (boreal). Các con số này phản ánh một phổ rộng các hình thức can thiệp, bao gồm trồng rừng, tái sinh tự nhiên, nông lâm kết hợp (agroforestry) và phục hồi các dịch vụ hệ sinh thái trong cảnh quan sản xuất.

Mặc dù đáng khích lệ, quy mô các nỗ lực hiện nay vẫn còn rất khiêm tốn so với nhu cầu toàn cầu, và diện tích phục hồi tính bằng hecta chỉ phản ánh một phần của những lợi ích sinh thái và xã hội mà các hoạt động này có thể mang lại.

## 2.2. Tiến trình sản xuất và phát triển bền vững

**Các mô hình sản xuất bền vững đã cho thấy hiệu quả rõ rệt, song vẫn chỉ là ngoại lệ, trong khi phá rừng do sản xuất hàng hóa vẫn diễn ra gần như ngoài tầm kiểm soát.**

Theo đuổi các mô hình phát triển bền vững và làm cho hoạt động sản xuất hàng hóa trở nên bền vững hơn là điều kiện tiên quyết để đạt được các mục tiêu toàn cầu về rừng. Sản xuất hàng hóa – bao gồm cây trồng, gỗ, chăn nuôi, cùng các hoạt động khai thác khoáng sản, than đá và kim loại – vẫn là tác nhân chính gây mất rừng và chuyển đổi hệ sinh thái trên phạm vi toàn cầu. Sản lượng cây trồng sơ cấp tăng liên tục đang tiếp tục thúc đẩy mất rừng và suy giảm đa dạng sinh học.

Rừng được công nhận rộng rãi là yếu tố cốt lõi trong các cam kết quốc tế về phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, sự công nhận này vẫn chưa được chuyển hóa thành hành động thực tiễn đủ mạnh, nhất là trong bối cảnh tốc độ mất rừng cao, suy thoái nghiêm trọng và mức độ cam kết trong nhiều kế hoạch khí hậu quốc gia còn thấp. Năm 2025, biến động địa chính trị và kinh tế tiếp tục làm gia tăng áp lực: xung đột, gánh nặng nợ công và tranh chấp thương mại đang đe dọa các nỗ lực bảo tồn, trong khi những tín hiệu như trì hoãn ban hành quy định môi trường hay cắt giảm hỗ trợ phát triển quốc tế có thể làm suy yếu đà tiến tới mục tiêu bảo vệ rừng.

Tuy nhiên, những kinh nghiệm gần đây trên thế giới cho thấy việc tạo ra thay đổi thực chất là hoàn toàn có thể đạt được. Nhiều quốc gia đã có công cụ chính sách hiệu quả, và khi được thiết kế phù hợp với bối cảnh địa phương, thực thi nghiêm túc và duy trì liên tục, các chính sách này mang lại lợi ích rõ rệt cho rừng và cộng đồng địa phương. Các ví dụ như Brazil, Colombia và Indonesia đã chứng minh rằng cải cách trong nước mạnh mẽ có thể làm chậm đáng kể tốc độ mất rừng, dù việc duy trì kết quả đạt được vẫn còn nhiều thách thức.

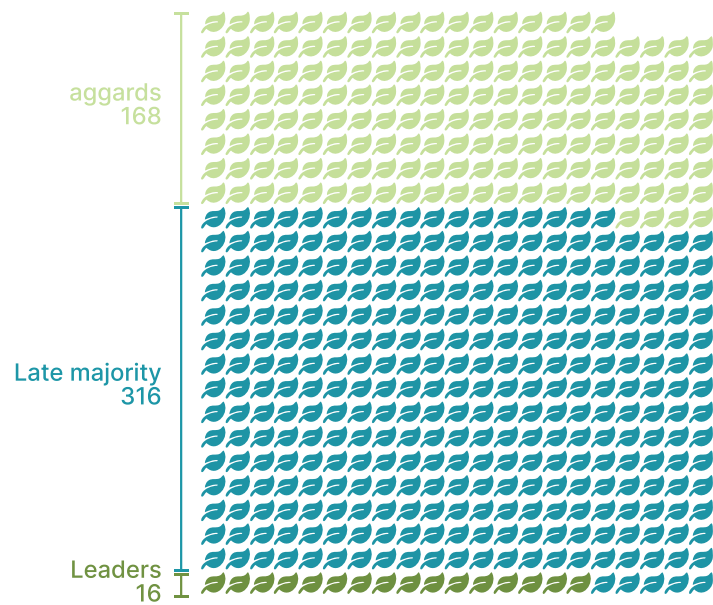
Đối với khu vực tư nhân, các cam kết tự nguyện – dù mang ý nghĩa tích cực – vẫn chưa đủ quy mô để giảm mất rừng toàn cầu. Chỉ 3% doanh nghiệp được đánh giá bởi Forest 500<sup>2</sup> đáp ứng mức cam kết cao về chấm dứt phá rừng, trong khi 63% vẫn thiếu tham vọng hoặc yếu kém trong thực thi. Năm 2024, trung bình các doanh nghiệp này mới đạt 16,2% các tiêu chí về triển khai và báo cáo cam kết “không phá rừng”, và 34% doanh nghiệp chưa đưa ra cam kết công khai nào. Trong lĩnh vực khai khoáng, hầu hết doanh nghiệp chưa có chính sách đầy đủ để kiểm soát rủi ro đối với rừng và đa dạng sinh học. Dù có một số điểm sáng – như gia tăng cam kết trong ngành dầu cọ và gỗ, mở rộng áp dụng chứng chỉ bền vững trong khai khoáng – nhưng nhìn chung, các ngành có nguy cơ cao vẫn gồm nhiều “DN tụt hậu” hơn là “DN tiên phong.” Nông nghiệp vẫn là nguyên nhân lớn nhất gây mất rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trong khi khai khoáng đang nổi lên như một mối đe dọa gia tăng đối với rừng. Nhìn tổng thể, mức độ cam kết và thực thi hiện nay của khu vực tư nhân vẫn chưa đủ.

Những năm gần đây, một số mô hình hợp tác đa bên thành công – giữa chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội – đã chứng minh sức mạnh của sự phối hợp liên ngành và liên vùng trong việc tăng cường truy xuất nguồn gốc, minh bạch và thúc đẩy phát triển bền vững. Các nghiên cứu điển hình gần đây tại một số vùng cấp tỉnh ở Mexico và Indonesia cho thấy rằng những sáng kiến được thiết kế bài bản có thể mang lại kết quả rõ rệt trong việc quản lý tác động của chuỗi cung ứng hàng hóa đối với rừng. Bên cạnh đó, những mô hình hợp tác đa bên thành công ở cấp quốc tế và khu vực đã cho thấy giá trị của hành động phối hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan khác trong việc tăng cường truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin và đạt được các kết quả phát triển bền vững.

<sup>2</sup> Forest 500 là một bảng xếp hạng toàn cầu do tổ chức Global Canopy (Vương quốc Anh) thực hiện hàng năm, nhằm đánh giá mức độ cam kết và hành động của các tổ chức có ảnh hưởng lớn nhất đến mất rừng trên toàn thế giới.

Sự tham gia của doanh nghiệp vào các cách tiếp cận cấp cảnh quan và cấp vùng thẩm quyền (landscape và jurisdictional approaches) đang có xu hướng tăng lên, đặc biệt trong các ngành dầu cọ, ca cao, và bột giấy – giấy, tuy nhiên vẫn còn rất hạn chế đối với ngành thịt bò và đậu tương. Dù vậy, cần lưu ý rằng chỉ khoảng một phần ba các sáng kiến cấp cảnh quan và cấp vùng thẩm quyền được công bố được đánh giá là “đáng tin cậy”, tức là vận hành trên cơ sở minh bạch, hợp tác thực chất và có cơ chế giám sát tiến độ chung hướng tới các mục tiêu bền vững toàn vùng.

Hình 2: Kết quả phân loại 500 doanh nghiệp theo mức độ thực hiện cam kết không phá rừng<sup>3</sup>



### 2.3. Tài chính cho bảo vệ rừng

**Dòng tài chính công và tư nhân vẫn chưa tương thích với mục tiêu bảo vệ rừng, trong khi các định chế tài chính và cơ quan giám sát mới chỉ ở giai đoạn đầu của việc tích hợp rủi ro thiên nhiên vào quản lý tài chính.**

Tài chính công quốc tế cho rừng tăng lên khoảng 5,7 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2022–2024, so với 1,7 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2018–2020. Tuy nhiên, con số này chỉ tương đương 1,4% trong tổng 409 tỷ USD/năm tài trợ công toàn cầu cho các khoản trợ cấp nông nghiệp gây hại môi trường. Tài chính dành cho bảo đảm quyền sử dụng đất và quyền lợi của người dân bản địa, người gốc Phi và cộng đồng địa phương đạt trung bình 728 triệu USD/năm trong giai đoạn 2021–2024, tăng 41% so với giai đoạn 2018–2020, nhưng vẫn còn cách xa mục tiêu 10 tỷ USD vào năm 2030 mà các tổ chức xã hội dân sự kêu gọi. Dù nhiều chính phủ đã công nhận nhu cầu cải cách và tái định hướng các chính sách khuyến khích gây hại môi trường, rất ít quốc gia thực hiện các bước đi cụ thể, dữ liệu về tiến độ cải cách còn thiếu hệ thống, và các ví dụ thành công vẫn rất hạn chế.

Trong khi đó, dòng vốn tư nhân vẫn tiếp tục chảy vào các ngành có rủi ro cao đối với rừng, với các biện pháp đảm bảo an toàn còn yếu. Mặc dù ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất (AFOLU) có thể đóng góp 20–30% tiềm năng giảm phát thải toàn cầu, nhưng năm 2023, lĩnh vực này chỉ thu hút được khoảng 5,6 tỷ USD, tương đương 0,3% tổng vốn tư nhân dành cho giảm phát thải khí nhà kính. Mặc dù đây là mức tăng mạnh và đáng ghi nhận so với 0,4 tỷ USD vào năm 2018, ngành này vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút nguồn vốn tư nhân ở quy mô lớn. Trong năm 2024, thị trường tín chỉ carbon tự nguyện (VCM) đã huy động được 342 triệu USD, song do thiếu cơ chế khuyến khích dành cho các doanh nghiệp tư nhân khi sử dụng tín chỉ carbon và những lo ngại về tính minh bạch, độ tin cậy, nên thị trường này chưa thể huy động vốn với tốc độ và quy mô như kỳ vọng.

Ngược lại, các cam kết khí hậu của doanh nghiệp lại mở ra tiềm năng lớn về nguồn tài chính cho rừng trong tương lai. Hiện có các doanh nghiệp với tổng giá trị thị trường hơn 38 nghìn tỷ USD — trong đó hơn 1.200 doanh nghiệp đã cam kết các mục tiêu liên quan đến rừng, đất đai và nông nghiệp thông qua Sáng kiến Mục tiêu Dựa trên Khoa học (Science-Based Targets initiative – SBTi) — đang ở vị thế có thể thúc đẩy đầu tư đáng kể vào các chuỗi cung ứng hàng hóa có rủi ro phá rừng.

<sup>3</sup> Nhóm tiên phong (leaders) – 16 doanh nghiệp: là những công ty có cam kết và hành động mạnh mẽ, minh bạch và hiệu quả nhất trong việc loại bỏ phá rừng khỏi chuỗi cung ứng; Nhóm theo sau (Late majority) – 316 doanh nghiệp: phần lớn các công ty nằm ở nhóm này, đã có bước đi nhất định nhưng mức độ thực thi còn hạn chế, chưa đạt chuẩn về minh bạch và báo cáo; Nhóm tụt hậu (Laggards) – 168 doanh nghiệp: chưa có cam kết đáng kể hoặc chưa thực hiện các biện pháp cụ thể để kiểm soát rủi ro phá rừng.

Các tổ chức tài chính nhìn chung vẫn chậm trong việc đánh giá và quản lý rủi ro liên quan đến rừng, và nhiều cơ quan giám sát vẫn chưa ban hành các hướng dẫn hoặc quy định mang tính bắt buộc. Trong số các tổ chức có danh mục đầu tư lớn vào các ngành hàng rủi ro cao, chỉ 40% có chính sách rõ ràng về chống phá rừng. Theo đánh giá của WWF năm 2024, 52% quốc gia được khảo sát trong Chỉ số Quy định Tài chính Bền vững (SUS-REG) đã bắt đầu lồng ghép yếu tố phá rừng và chuyển đổi hệ sinh thái vào giám sát tài chính, nhưng đa phần các khung này vẫn thiếu hướng dẫn chi tiết và cơ chế thực thi. Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục dẫn đầu với khung tài chính bền vững, trong đó Chỉ thị Báo cáo Bền vững Doanh nghiệp (CSRD) được coi là nỗ lực toàn diện nhất để lồng ghép yếu tố rừng và thiên nhiên vào lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên, việc đơn giản hóa chỉ thị này có nguy cơ làm suy yếu tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp. Việc các tiêu chuẩn của Hội đồng Chuẩn mực Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board – ISSB) được áp dụng nhanh chóng trên toàn cầu, đặc biệt trong các tổ chức đầu tư, cho thấy tính khả thi về mặt chính trị của cơ chế công bố thông tin ngay cả khi phạm vi chỉ tập trung vào tính trọng yếu tài chính (financial materiality).

Dẫu vậy, vẫn có những tín hiệu tích cực và các đổi mới đáng chú ý đang xuất hiện nhằm tăng cường tài chính cho rừng và chuyển hướng dòng vốn từ các hoạt động gây hại sang các hoạt động có lợi cho rừng. Sự thay đổi trong khung pháp lý và hướng dẫn giám sát ở một số quốc gia đang bắt đầu định hình lại thị trường tài chính, giúp nâng cao tính minh bạch và độ an toàn của các khoản đầu tư liên quan đến rừng – chẳng hạn thông qua các dự án REDD+ được thiết kế chặt chẽ và mở rộng các chương trình REDD+ cấp vùng thẩm quyền (jurisdictional REDD+ programs), từ đó tăng niềm tin của nhà đầu tư. Các mô hình tài chính đổi mới như Cơ chế Tài chính Rừng Nhiệt đới Vĩnh cửu (Tropical Forest Forever Facility – TFFF) hay các quỹ do cộng đồng và người bản địa điều hành đang giúp huy động nguồn vốn đầu tư dài hạn và quy mô lớn hơn cho các khu rừng nhiệt đới, đồng thời chuyển dòng vốn trực tiếp tới người bản địa và cộng đồng địa phương (Indigenous Peoples – IPs và Local Communities – LCs).

Tuy nhiên, hệ thống tài chính toàn cầu hiện nay vẫn chủ yếu khuyến khích sử dụng đất thiếu bền vững. Mặc dù các sáng kiến như Sáng kiến Bridgetown (Bridgetown Initiative) và Khuôn khổ Hợp tác Thuế Quốc tế của Liên

Hợp Quốc (UN Framework Convention on International Tax Cooperation) mang lại cơ hội tái định hướng dòng vốn, song việc điều phối đồng bộ và quy mô lớn giữa các nguồn tài chính công, tư và thiện nguyện với mục tiêu bảo vệ rừng vẫn còn cách xa thực tế.

## 2.4. Tiến trình về quyền và quản trị rừng

**Bất bình đẳng quyền lực, quyền sử dụng đất thiếu an toàn và thực thi pháp luật yếu kém tiếp tục làm suy yếu quản trị rừng toàn cầu, mặc dù các bằng chứng rõ ràng cho thấy cách tiếp cận toàn diện, có sự tham gia của nhiều bên là hiệu quả nhất.**

Quá trình ra quyết định về rừng vẫn bị chi phối mạnh mẽ bởi các nhóm lợi ích có quyền lực, khiến người dân bản địa, cộng đồng địa phương, phụ nữ và các tổ chức xã hội dân sự (CSOs) khó có thể tham gia và ảnh hưởng đến chính sách. Dù chính sách quốc tế ngày càng công nhận vai trò quan trọng của người bản địa và cộng đồng địa phương trong quản trị rừng, song sự công nhận đó hiếm khi được phản ánh trong chiến lược hoặc kế hoạch thực thi ở cấp quốc gia. Sự tham gia của phụ nữ vẫn còn rất hạn chế, ngay cả tại những nơi quyền rừng cộng đồng đã được củng cố. Tuy nhiên, một số sáng kiến cụ thể – chẳng hạn chương trình do Nhóm Công tác Khí hậu & Rừng của các Thống đốc (Governors' Climate & Forests Task Force – GCF) hỗ trợ – cho thấy rằng sự tham gia của phụ nữ có thể nâng cao rõ rệt hiệu quả của các dự án.

Cùng lúc đó, không gian hoạt động của xã hội dân sự đang bị thu hẹp: đến năm 2024, ít nhất 41 quốc gia bị ghi nhận tăng cường đàn áp tổ chức xã hội dân sự so với năm 2014, và 18 quốc gia đã siết chặt kiểm soát xuất nhập cảnh, hạn chế khả năng của các tổ chức này trong việc tham gia, giám sát và tác động đến chính sách. Trái lại, các tập đoàn tư nhân và hiệp hội ngành hàng vẫn giữ tầm ảnh hưởng lớn đối với chính sách liên quan đến rừng, thường định hình quy định theo hướng ưu tiên lợi ích thương mại hơn là quản lý bền vững. Các quy định về sản phẩm không phá rừng và phát triển bền vững của Liên minh châu Âu (EUDR) đã trở thành trọng tâm của các hoạt động vận động hành lang, với cả những nỗ lực nhằm làm suy yếu lẫn củng cố quy định, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình thực thi.

Trên phạm vi toàn cầu, đã hình thành một số khung pháp lý và chính sách then chốt hướng tới quản lý rừng công bằng và bền vững. Tuy nhiên, trong khi một số quốc gia nỗ lực tăng cường bảo tồn rừng và cải thiện tính bền vững của ngành lâm nghiệp, thì ở nhiều nơi khác, quyền lực chính trị và kinh tế của khu vực công nghiệp lại lấn át, dẫn đến những thay đổi chính sách tạo điều kiện cho chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng khác và thúc đẩy suy thoái rừng.

Diện tích đất có quy chế bảo vệ tiếp tục gia tăng trên phạm vi toàn cầu, đạt 17,5% tổng diện tích vào năm 2024. Trong đó, 63% do Nhà nước quản lý, 12% được đồng quản lý, và chỉ 4% do người dân bản địa và cộng đồng địa phương trực tiếp quản lý. Mặc dù diện tích khu bảo tồn tiếp tục gia tăng, tình trạng hạ cấp, thu hồi hoặc cắt giảm quy chế bảo vệ của các khu vực này vẫn đang diễn ra. Bên cạnh đó, các vi phạm quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương vẫn tiếp diễn trong quá trình thành lập và quản lý các khu vực bảo vệ, trong khi các quy trình giải quyết tranh chấp về đất đai và tài nguyên thường thiếu minh bạch và khó tiếp cận. Mặc dù người bản địa và cộng đồng địa phương đã được mở rộng quyền quản lý lãnh thổ ở một số quốc gia, song điều này vẫn là ngoại lệ chứ chưa phải thông lệ phổ biến, và việc công nhận quyền sở hữu rừng của phụ nữ vẫn tụt hậu rất xa so với các tiến bộ khác trong lĩnh vực quyền rừng. Các quy định nhập khẩu, chẳng hạn như EUDR, tạo ra cơ hội thúc đẩy tiến bộ trong thương mại bền vững, nhưng các nước sản xuất cho rằng EUDR đặt ra gánh nặng pháp lý không công bằng, nhất là khi xét đến lịch sử hưởng lợi từ phá rừng của các quốc gia châu Âu trong quá khứ.

Thiếu năng lực thực thi, thiếu ý chí chính trị và tình trạng miễn trừ cho các tác nhân lớn là rào cản then chốt đối với quản trị rừng hiệu quả. Ước tính 61–94% diện tích phá rừng nhiệt đới phục vụ nông nghiệp là bất hợp pháp. Tội phạm môi trường – bao gồm phá rừng trái phép, buôn bán gỗ và động vật hoang dã bất hợp pháp – tạo ra doanh thu lên tới 281 tỷ USD mỗi năm, thường liên quan trực tiếp đến tội phạm có tổ chức và tham nhũng. Việc các hành vi tội phạm về rừng được xem là mối đe dọa an ninh quốc gia đang dẫn tới sự tham gia tích cực hơn của các cơ quan an ninh trong xử lý vi phạm. Tuy nhiên, thực thi pháp luật đôi khi bị sử dụng một cách thiên lệch – các cộng đồng địa phương hoặc các nhóm tác nhân nhỏ thường bị xử lý nghiêm, trong khi những tổ chức hoặc doanh nghiệp lớn,

vốn là nguyên nhân chính gây ra phá rừng, lại thường bị bỏ qua. Ngoài ra, một số quy định pháp luật về rừng đã bị nới lỏng hoặc giảm mức độ thực thi trong thời gian gần đây. Một số chiến dịch thực thi pháp luật quy mô lớn trong năm 2024, bao gồm các cuộc điều tra gian lận tài chính trong những chuỗi cung ứng có giá trị cao, phản ánh bước chuyển hướng mới trong chiến lược thực thi pháp luật, tận dụng khả năng truy xuất dữ liệu mở rộng và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện và xử lý vi phạm về rừng hiệu quả hơn.

### 3. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tính đến năm 2024, tình trạng rừng toàn cầu cho thấy một bức tranh đáng lo ngại: bất chấp nhiều năm cam kết và nỗ lực, thế giới vẫn đang đi chệch hướng so với các mục tiêu then chốt về rừng đến năm 2030. Tuy nhiên, giữa thực tế đầy thách thức đó, vẫn có những tín hiệu đáng hy vọng. Trên tất cả các chủ đề – từ các cơ chế tài chính mới cho rừng, đến những bước tiến về truy xuất nguồn gốc và sự gia tăng tham gia của cộng đồng trong quản trị rừng – đã xuất hiện nhiều mô hình đổi mới, sáng kiến hiệu quả và kinh nghiệm thực tiễn, chứng minh rằng việc đẩy nhanh tiến độ hoàn toàn khả thi.

Các phát hiện của báo cáo khẳng định rằng những chuyển đổi mang tính hệ thống cần được thúc đẩy đồng thời trên bốn trụ cột: quản trị, tài chính, hành động của doanh nghiệp, và sự tham gia của xã hội dân sự:

- Chính phủ cần hành động để định giá đúng giá trị của rừng. Các nỗ lực rời rạc của một số ít doanh nghiệp tiên phong là chưa đủ. Các cam kết tự nguyện cần được bổ sung – và trong nhiều trường hợp phải được thay thế – bằng những quy định bắt buộc, bảo đảm trách nhiệm giải trình, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ nghiêm ngặt. Một sự thay đổi thực chất cũng đòi hỏi phải đưa “chi phí thật” của phá rừng và suy thoái rừng vào giá thành sản phẩm. Thời kỳ coi rừng là tài nguyên “miễn phí” cần phải chấm dứt. Doanh nghiệp không thể tiếp tục tư nhân hóa lợi nhuận trong khi xã hội phải gánh chịu tổn thất môi trường. Chính phủ cần bảo đảm rằng những “chi phí ẩn”

này được phản ánh đầy đủ thông qua quy định nghiêm ngặt hơn, thực thi pháp luật hiệu quả hơn, cùng chính sách tài khóa và thương mại hợp lý.

- Các hành động cần được tích hợp, không thể tách rời. Khủng hoảng khí hậu, mất đa dạng sinh học và bất bình đẳng xã hội không phải là những vấn đề riêng lẻ – chúng liên kết chặt chẽ và đòi hỏi giải pháp tổng hợp ở cấp cảnh quan và toàn chuỗi giá trị. Các hành động cục bộ, đơn ngành sẽ không đủ quy mô để bảo vệ và phục hồi rừng toàn cầu. Những cách tiếp cận tích hợp đã và đang chứng minh rằng các cơ chế khuyến khích được thiết kế đồng bộ có thể chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng bền vững hơn, song chúng vẫn còn là ngoại lệ, chưa trở thành chuẩn mực chung.
- Quy trình ra quyết định phải toàn diện và có sự tham gia. Tiến độ nhanh hướng tới các mục tiêu rừng năm 2030 sẽ không thể đạt được nếu vẫn duy trì cách tiếp cận từ trên xuống (top-down). Cần thúc đẩy vai trò lãnh đạo và sự tham gia đầy đủ của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, phụ nữ và xã hội dân sự. Quản trị rừng công bằng và bền vững chỉ có thể đạt được khi có quyền sử dụng đất an toàn, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cao, cùng với việc thực thi pháp luật dựa trên công lý và nhân quyền.

Nếu những chuyển đổi này được hiện thực hóa, đến cuối thập kỷ này, thế giới có thể chứng kiến một diện mạo rừng hoàn toàn khác: Phá rừng được ngăn chặn hiệu quả, đa dạng sinh học được ổn định và phục hồi, nguồn tài chính quy mô lớn chảy vào các sáng kiến tích cực với rừng, và quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương được công nhận và bảo vệ vững chắc. Tầm nhìn này phù hợp với Tầm nhìn Rừng Toàn cầu đến năm 2030 (Global Forest Vision 2030) – một khuôn khổ hành động do xã hội dân sự dẫn dắt, nhằm kết nối chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức tài chính và cộng đồng trong một chương trình hành động thống nhất để chấm dứt và đảo ngược phá rừng vào năm 2030. Tầm nhìn này không phải là một cam kết mới, mà là một lộ trình thực tiễn, giúp chuyển hóa các cam kết hiện có thành những hành động ưu tiên trong ngắn hạn mà mỗi nhóm chủ thể cần thực hiện để đảm bảo tiến độ. Các hành động ưu tiên dành cho chính phủ và tổ chức tài chính đã được công bố, hướng dẫn dành cho khu vực tư nhân

sẽ sớm được ban hành. Về tổng thể, những lộ trình này mang đến các bước đi cụ thể và khả thi nhằm khôi phục những nỗ lực đang bị đình trệ, đồng thời hiện thực hóa cam kết đã nhiều lần bị bỏ lỡ về việc chấm dứt và đảo ngược tình trạng phá rừng và suy thoái rừng trên phạm vi toàn cầu.

COP30 được kỳ vọng sẽ là thời điểm mang tính bước ngoặt, thiết lập một khuôn khổ hành động cụ thể để chấm dứt và đảo ngược phá rừng, đồng thời kết nối các mục tiêu về sản xuất lương thực, chuỗi cung ứng hàng hóa và quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương. Với vai trò dẫn dắt của Brazil trong lĩnh vực rừng và thiên nhiên, COP30 được kỳ vọng sẽ tăng cường mối liên kết giữa khí hậu, rừng và đa dạng sinh học, thông qua mở rộng cam kết đối với toàn bộ khu vực sử dụng đất, bao gồm: các nguồn tài chính mới, sáng tạo cho rừng tự nhiên (như Cơ chế Tài chính Rừng Nhiệt đới Vĩnh cửu – TFFF); chuỗi cung ứng hàng hóa bền vững, không phá rừng và không chuyển đổi mục đích sử dụng đất; hệ thống lương thực khỏe mạnh và có khả năng chống chịu cao; quan hệ đối tác chặt chẽ giữa các quốc gia sản xuất và tiêu thụ; và củng cố cam kết chấm dứt phát thải liên quan đến phá rừng vào năm 2030. Điều quan trọng là, các chính phủ cần bảo đảm rằng những cam kết này được lồng ghép vào vòng cập nhật tiếp theo của Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDCs), để kết quả của Đánh giá Toàn cầu (Global Stocktake) trở thành động lực thực sự cho tiến trình quốc gia và quốc tế.

Chặng đường phía sẽ không dễ dàng. Để hiện thực hóa tầm nhìn nói trên, thế giới phải phá vỡ các rào cản của tư duy ngắn hạn, vượt qua bất bình đẳng quyền lực ăn sâu và cam kết chia sẻ trách nhiệm giữa Bắc và Nam bán cầu. Điều đó đòi hỏi một sự chuyển đổi căn bản về nhận thức: rừng không thể bị xem như tài nguyên có thể tiêu dùng, mà là hệ thống sống thiết yếu cho sự tồn tại và thịnh vượng của loài người. Chỉ thông qua tham vọng chung, quản trị minh bạch và sự tham gia thực chất của mọi thành phần xã hội, chúng ta mới có thể đảo ngược xu hướng hiện nay và bảo đảm rừng được hồi sinh cho các thế hệ tương lai. Cơ hội cho thay đổi ý nghĩa đang dần khép lại, nhưng với những chuyển đổi mang tính hệ thống được thực hiện khẩn trương và cam kết kiên định từ tất cả các bên, câu chuyện của năm 2026 hoàn toàn có thể – và cần phải – trở thành câu chuyện của hy vọng, kiên cường và phục hồi.

## ENDNOTES

- 1 Own analysis conducted in the context of this Assessment using tree cover loss data (Hansen et al. 2013, updated through 2024) and drivers of tree cover loss (Sims et al. 2025, updated through 2024).
- 2 Luckeneder, S., Giljum, S., Schaffartzik, A., Maus, V., & Tost, M. (2021). Surge in global metal mining threatens vulnerable ecosystems. *Global Environmental Change*, 69, 102303.
- 3 Own analysis conducted in the context of this Assessment using TMF data (Vancutsem et al. 2021, updated through 2024).
- 4 Fesenmyer, K. A., Poor, E. E., Terasaki Hart, D. E., Veldman, J. W., Fleischman, F., Choksi, P., et al. (2025). Addressing critiques refines global estimates of reforestation potential for climate change mitigation. *Nature Communications*, 16(1), 4572.
- 5 Rayden, T., Jones, K. R., Austin, K., & Radachowsky, J. (2023). Improving climate and biodiversity outcomes through restoration of forest integrity. *Conservation Biology*, 37(6), e14163.
- 6 Carne Libre de Deforestación. (n.d.). Carne Libre de Deforestación. <https://www.carnelibrededeforestacion.mx/>.
- 7 SourceUp. (n.d.-b). Tackling Deforestation in Indonesia Through Multistakeholder Platform at Landscape Scale. <https://sourceup.org/initiatives/tackling-deforestation-in-indonesia-through-multistakeholder-platform-at-landscape-scale>.
- 8 Aurora, L., Puspitaloka, D., & Lloyd, J. (2023). Company Action in Collective Efforts for Sustainable Land Use at Scale. <https://jaresourcehub.org/wp-content/uploads/2023/10/Global-Summary-Report-Final-3.pdf>.
- 9 The figure was calculated using data from Path to Scale Funding Dashboard: <https://dashboard.pathtoscale.org>. The Path to Scale dataset focuses on international donor fundings for IPs, LCs, and ADPs concerning tenure, rights, conservation, climate, and development in Low- and Middle-Income Countries. More information about the scope of the dataset and the underlying methodology is accessible online: <https://dashboard.pathtoscale.org/methodology>.
- 10 Path to Scale. (n.d.). About Us. <https://www.pathtoscale.org/about-us>.
- 11 Climate Policy Initiative. (2025). Global Landscape of Climate Finance 2025. <https://www.climatepolicyinitiative.org/publication/global-landscape-of-climate-finance-2025/>.
- 12 Climate Policy Initiative. (2025).
- 13 The figure represents the total value of all Voluntary Carbon Market transactions in 2024 in the project category "Forestry and Land Use" (FOLU). Forest Trends' Ecosystem Marketplace. (2025). State of the Voluntary Carbon Market 2025. <https://3298623.fsl.hubspotusercontent-na1.net/hubfs/3298623/SOVCM%202025/Ecosystem%20Marketplace%20State%20of%20the%20Voluntary%20Carbon%20Market%202025.pdf>.
- 14 Companies committed to cut emissions in line with climate science now represent \$38 trillion of global economy. (2022, May 12). <https://sciencebasedtargets.org/news/companies-committed-to-cut-emissions-in-line-with-climate-science-now-represent-38-trillion-of-global-economy>.
- 15 Thomson, E. (2025).
- 16 Integration of nature-related risks in financial supervisory frameworks is generally insufficient beyond forest issues. For example, 7 of the top 10 biodiversity hotspot nations are lagging in banking supervision for nature-related risks, and all 10 are falling short in integrating these risks into their insurance supervision. See Rizkiah, S. K., & Abdelli, M. (2024).
- 17 UNDP Climate & Forests Team. (2024).
- 18 Nord, M. et al. (2025).
- 19 Boren, Z. (2022, March 4).
- 20 COCERAL et al. (2022).
- 21 European Tyre and Rubber Manufacturers' Association. (2020). Due diligence in the supply chain as an instrument to reduce the impact of products placed on the European market with regards to deforestation and forest degradation. <https://www.etrma.org/wp-content/uploads/2020/12/20201005-Due-diligence-and-deforestation-ETRMA-position.pdf>.
- 22 Protected Planet. (2025, October). <https://www.protectedplanet.net/en>.
- 23 Dummett, C., Blundell, A., Canby, K., Wolosin, M., & Bodnar, E. (2021, May 18). Illicit Harvest, Complicit Goods. *Forest Trends*. <https://www.forest-trends.org/publications/illicit-harvest-complicit-goods/>.
- 24 FAFT. (2021). Money Laundering from Environmental Crimes. <https://www.fatf-gafi.org/content/dam/fatf-gafi/reports/Money-Laundering-from-Environmental-Crime.pdf>.
- 25 UNODC. (2025). Global Analysis on Crimes that Affect the Environment – Part 2a: Forest Crimes: Illegal deforestation and logging. [https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/Crimes%20on%20Environment/ECR25\\_P2a\\_Deforestation.pdf](https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/Crimes%20on%20Environment/ECR25_P2a_Deforestation.pdf).
- 26 Rainforest Connection. (n.d.). Stopping illegal logging & protecting wildlife. <https://rfcx.org/guardian>.



**Forest  
Declaration  
Assessment**

